

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày: 28-5-2021
V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Ông Trần Anh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng CS.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng CS.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng H – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ. Địa chỉ: Khu TT, thị trấn ĐH, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của ủy quyền: Ông Lê Đình T1 – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ. Địa chỉ: Khu TT, thị trấn ĐH, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. (*Có mặt*).

- Bị đơn: Ông Trần Quang H1 – sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị N** – sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng CS do ông Lê Đình T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Từ ngày 21/11/2013 đến ngày 04/11/2014, ông Trần Quang H1 có vay của Ngân hàng CS huyện Đ theo chương trình vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đối với sinh viên Trần Thị G (con ông H1) như sau:

Lần 1: Ngày 21/11/2013 ông H1 vay 11.000.000 đồng, lãi suất: 0,65%/tháng, ngày đến hạn trả nợ: 21/11/2019.

Lần 2: Ngày 25/11/2013 ông H1 vay 11.000.000 đồng, lãi suất: 0,65%/tháng, ngày đến hạn trả nợ: 21/11/2017.

Lần 3: Ngày 04/11/2014 ông H1 vay 22.000.000 đồng, lãi suất: 0,6%/tháng, ngày đến hạn trả nợ: 21/11/2019.

Ông H1 đã nhận đủ số tiền vay trên qua hình thức: Nhận tiền mặt trực tiếp.

Đến ngày 21/01/2018, ông Trần Quang H1 có trả 32.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại Ngân hàng CS huyện Đ 12.000.000 đồng tiền gốc. Đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/11/2019, ông H1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Trần Quang H1 để yêu cầu ông H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H1 không hợp tác, không có thiện chí trả nợ. Tính đến ngày 29/4/2021, ông H1 còn nợ số tiền là: 14.136.868 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc là: 12.000.000 đồng;

+ Nợ lãi tính đến ngày 29/4/2021 là: 2.136.868 đồng, bao gồm:

Lãi tồn: 510.089 đồng

Lãi quá hạn là: $1.626.779 \text{ đồng} = 1.000.000 \text{ đồng} \times 525 \text{ ngày} \times (7,8\%/365 \times 130\%) + 11.000.000 \text{ đồng} \times 525 \text{ ngày} \times (7,2\%/365 \times 130\%)$.

Vậy Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ buộc ông Trần Quang H1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng CS huyện Đ số tiền là: 14.136.868 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng*).

* Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trần Quang H1 trình bày: Từ ngày 21/11/2013 đến ngày 04/11/2014, ông có vay của Ngân hàng CS huyện Đ tổng số tiền là 44.000.000 đồng, trong đó có 22.000.000 đồng lãi suất là 0,65%/tháng, 22.000.000 đồng lãi suất là 0,6%/tháng, ngày đến hạn cuối cùng là ngày: 21/11/2019, mục đi vay là để chi tiêu cho con ông là sinh viên Trần Thị G. Ông H1 khẳng định đây là khoản vay riêng của ông, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị N. Tháng 01/2018 ông đã trả cho Ngân hàng 32.000.000 đồng tiền gốc. Đối với khoản nợ gốc còn lại là 12.000.000 đồng ông H1 khẳng định là đã trả cho Ngân hàng nhưng không có chứng từ chứng minh. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông trả cả gốc lẫn lãi là 14.136.868 đồng, ông không nhất trí.

* Tại Biên bản lấy lời khai và trong quá trình làm việc, vợ ông H1 là bà Nguyễn Thị N khẳng định khoản vay trên là khoản vay riêng của ông H1, không liên quan đến bà.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ cho ông Trần Quang H1 và vợ ông H1 là bà Nguyễn Thị N. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2021 ông H1 đã khẳng định chữ ký và chữ viết tại mục Người vay vốn trong sổ vay vốn đúng là chữ ký và chữ viết của ông.

* Tại phiên tòa hôm nay, ông H1 và bà N đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H1, bà N.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến, xác định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS đối với ông Trần Quang H1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Trần Quang H1 phải trả cho Phòng giao dịch - Ngân hàng CS huyện Đ, tỉnh Phú Thọ số tiền là: 14.136.868 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó: tiền gốc là: 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), tiền lãi tính đến ngày 29/4/2021 là: 2.136.868 đồng (*Hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi tám đồng*) và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: *Kể từ ngày 29/4/2021 ông Trần Quang H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

Về án phí: Buộc ông Trần Quang H1 phải nộp 707.000 đồng (*Bảy trăm linh bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Quang H1 có đăng ký hộ khẩu và hiện tại ở tại Thôn L, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ nên nguyên đơn Ngân hàng CS khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là đúng theo quy định tại 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông H1 và bà N đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông H1, bà N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng CS yêu cầu ông Trần Quang H1 trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/4/2021 là: 14.136.868 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó: tiền gốc là: 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), tiền lãi tính đến ngày 29/4/2021 là: 2.136.868 đồng (*Hai triệu một trăm ba mươi sáu tám trăm tám mươi tám đồng*) và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.2] Đại diện Ngân hàng CS, ông Trần Quang H1 và bà Nguyễn Thị N đều trình bày thống nhất khoản nợ trên là nợ riêng của ông Trần Quang H1. Do vậy, ông H1 phải có nghĩa vụ trả toàn nợ gốc và lãi (nếu có), bà N không phải trả khoản tiền nào.

[2.3] Xét thấy: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 19/10/2013, ngày 15/10/2014 và Sổ vay vốn là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi. Việc xác lập Hợp đồng tín dụng giữa Phòng giao dịch- Ngân hàng CS với ông Trần Quang H1 là tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của pháp luật, thỏa mãn Điều 117 Bộ luật dân sự, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình thực hiện hai hợp đồng, ông Trần Quang H1 đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian trả nợ gốc, lãi, vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 280, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Trần Quang H1 phải trả cho Ngân hàng CS số tiền là 14.136.868 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó: tiền gốc là: 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), tiền lãi tính đến ngày 29/4/2021 là: 2.136.868 đồng (*Hai triệu một trăm ba mươi sáu tám trăm tám mươi tám đồng*) và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[3] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS đối với ông Trần Quang H1 được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Quang H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS đối với ông Trần Quang H1.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Trần Quang H1 phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện Đ, tỉnh Phú Thọ số tiền là 14.136.868 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó: tiền gốc là: 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), tiền lãi tính

đến ngày 29/4/2021 là: 2.136.868 đồng (*Hai triệu một trăm ba mươi sáu tám trăm tám mươi tám đồng*) và toàn bộ các khoản phí, lãi suất phát sinh từ ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: *Kể từ ngày 29/4/2021 ông Trần Quang H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

Về án phí: Buộc ông Trần Quang H1 phải nộp 707.000 đồng (*Bảy trăm linh bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng CS có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn